

**GIỚI THIỆU NỘI DUNG CỦA LUẬT THI HÀNH TẠM GIỮ,
TẠM GIAM VÀ CẤM ĐI KHỎI NƠI CƯ TRÚ**

Ngày 10/12/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú số 128/2025/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Luật số 128/2025/QH15 được ban hành có những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam được Quốc hội khóa XIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 25/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội (Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015). Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 ban hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để thống nhất tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tạm giữ, tạm giam. Luật đã quy định nhiều nội dung mới quan trọng nhằm thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định của Hiến pháp; đồng thời, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự; đánh dấu bước tiến mới trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật về an ninh, trật tự nói riêng; đáp ứng yêu cầu quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Quá trình triển khai thực hiện Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực như: (1) Công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tạm giữ, tạm giam được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, chặt chẽ trong công tác thi hành tạm giữ, tạm giam; (2) Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật được tiến hành kịp thời đồng bộ với nội dung và hình thức đa dạng, sinh động; (3) Hệ thống tổ chức của cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam được

kiện toàn từ cấp bộ, cấp tỉnh đến cấp huyện đáp ứng ngày càng tốt yêu cầu công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, hiện nay, cả nước có 78 trại tạm giam, 720 nhà tạm giữ, 247 buồng tạm giữ (Bộ Công an đang quản lý 69 trại tạm giam, 703 nhà tạm giữ, Bộ Quốc phòng quản lý 09 trại tạm giam, 17 nhà tạm giữ và 247 buồng tạm giữ của đồn biên phòng); (4) Việc thực hiện chế độ quản lý giam giữ từ khâu tiếp nhận, phân loại, bố trí giam giữ, điều chuyển trích xuất, xử lý kỷ luật và giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn, chết, phạm tội mới từng bước đi vào nền nếp, thống nhất; việc thực hiện chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam nói chung, người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, thực hiện chế độ đối với người bị kết án tử hình đang bị tạm giam được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, góp phần phục vụ có hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; (5) Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác quản lý giam giữ đã và đang được Nhà nước quan tâm đầu tư, xây dựng. Biên chế cán bộ, chiến sĩ ngày càng tăng về chất lượng; cán bộ, chiến sĩ công tác ở các trại tạm giam, nhà tạm giữ, buồng tạm giữ đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ nên đã hạn chế nhiều sai phạm xảy ra; (6) Việc thực hiện cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam bước đầu đã đạt được hiệu quả; công tác kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam đạt hiệu quả tốt, khắc phục, xử lý ngay những vi phạm trong công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam; (7) Công tác phối hợp giữa cơ sở giam giữ với các cơ quan có thẩm quyền tố tụng, các cơ quan có liên quan đến công tác thi hành tạm giữ, tạm giam được duy trì thường xuyên, liên tục, đảm bảo thực hiện tốt, có hiệu quả công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, sau hơn 06 năm triển khai thi hành, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập, cụ thể như sau:

Một là, phạm vi điều chỉnh của Luật chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, do đó, cần nghiên cứu mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật để bổ sung quy định

về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) thì có 08 biện pháp ngăn chặn gồm: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Trong đó, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định tương đối cụ thể về trình tự, thủ tục thi hành các biện pháp ngăn chặn, gồm: Giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, tạm hoãn xuất cảnh nên thuận lợi trong quá trình thi hành. Đối với biện pháp tạm giữ, tạm giam đã được quy định trong Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, còn biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú chưa được quy định cụ thể về trình tự, thủ tục để thi hành nên còn khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Theo quy định, cấm đi khỏi nơi cư trú là một trong tám biện pháp ngăn chặn có thể áp dụng đối với bị can, bị cáo có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Bị can, bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cụ thể như sau: (1) Không đi khỏi nơi cư trú nếu không được cơ quan đã ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho phép; (2) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; (3) Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội; (4) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này. Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan thì bị tạm giam.

Thực hiện các quy định của pháp luật, trong thời gian từ 01/01/2018 đến hết ngày 30/6/2024, các cơ quan điều tra của Công an nhân dân đã quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với 342.080 đối tượng. Theo thống kê, các cơ quan đã áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với 2.750 đối tượng phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, 11.404 đối tượng phạm tội rất

ng nghiêm trọng, 77.006 đối tượng phạm tội nghiêm trọng và 253.556 đối tượng phạm tội ít nghiêm trọng; 22.350 đối tượng là chủ mưu, cầm đầu, 57.098 đối tượng là đồng phạm trong các vụ án; 21.813 đối tượng đã có tiền án, tiền sự. Trong tổng số 342.080 đối tượng được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có 21.813 đối tượng do được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam sang cấm đi khỏi nơi cư trú.

Về tình hình vi phạm của người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có 3.861 đối tượng vi phạm nghĩa vụ theo quy định của khoản 3 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Các cơ quan đã áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trở lại đối với 2.007 đối tượng vi phạm nghĩa vụ; ban hành 2.030 lệnh truy nã (đã bắt được 1.715 đối tượng) và có 845 đối tượng tiếp tục phạm tội mới. Bên cạnh đó, việc thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có lúc, có nơi chưa được quan tâm sát sao, còn tình trạng lúng túng trong thực hiện công tác theo dõi, giám sát, công tác phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền chưa hiệu quả... Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do: (1) Chưa có trình tự, thủ tục thi hành biện pháp này kể từ khi các cơ quan có thẩm quyền ban hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; (2) Chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Do đó, cần mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 để bổ sung quy định về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; đồng thời, đổi tên Luật thành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Cùng với đó, Luật sẽ bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (cơ quan có trách nhiệm thi hành, cơ chế giám sát, quản lý để thi hành biện pháp ngăn chặn).

Hai là, một số quy định về công tác quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam còn nhiều vướng mắc, bất cập làm giảm hiệu quả công tác quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; do đó cần nghiên cứu bổ sung một số quy định nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam

Quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam là công tác quan trọng

trong thi hành tạm giữ, tạm giam, trong những năm qua việc thực hiện quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam từ khâu tiếp nhận, phân loại, bố trí giam giữ, điều chuyển trích xuất, xử lý kỷ luật và giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn, chết, phạm tội mới từng bước đi vào nề nếp, thống nhất. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập, cụ thể như: (1) Chưa có quy định cụ thể về: Chuyển giao người bị bắt theo quyết định truy nã cho cơ quan đã ra quyết định truy nã, khi có quyết định dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền; thời điểm thực hiện các công việc để tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam; giải quyết trường hợp trước thời điểm tổ chức tiếp nhận mà người bị tạm giữ, người bị tạm giam bị bệnh nặng cần kịp thời điều trị, cứu chữa tại cơ sở y tế; quy định về điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam; trích xuất phục vụ công tác giam giữ, tham gia thực hiện giao dịch dân sự...; (2) Ngoài ra, số lượng người bị kết án tử hình liên tục tăng, trong khi đó cơ sở vật chất, trang bị phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ để phục vụ quản lý, giam giữ tại một số trại tạm giam chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, thường xuyên xảy ra tình trạng quá tải giam giữ, mất an ninh, an toàn, không đảm bảo tốt nhất quyền của họ; do đó, cần có quy định mang tính nguyên tắc về các điều kiện bảo đảm phục vụ quản lý chặt chẽ người bị tạm giữ, người bị tạm giam; (3) Chưa có các quy định mang tính nguyên tắc về: Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào quá trình quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam tại các cơ sở giam giữ; việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng mang tính đặc thù để đảm bảo sự bảo mật và an toàn tuyệt đối; việc sắp xếp, bố trí các khu vực trong cơ sở giam giữ đảm bảo tính khoa học, phục vụ tốt nhất cho công tác quản lý giam giữ và các công tác khác.

Do đó, để giải quyết những vấn đề nêu trên cần nghiên cứu bổ sung một số quy định nhằm nâng cao hiệu quả công tác thi hành tạm giữ, tạm giam, quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

Ba là, một số quy định về chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm giam còn nhiều vướng mắc, bất cập, chưa đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích

hợp pháp của họ; do đó cần nghiên cứu bổ sung một số quy định nhằm hoàn thiện quy định về chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm giam

Sau hơn 06 năm triển khai thi hành Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 một số quy định về chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm giam đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập, chưa đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

- Những vướng mắc, bất cập: Chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm giam chưa thực sự hoàn thiện như: Chưa có quy định cụ thể về tiếp xúc lãnh sự của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; chế độ gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu của người chờ chấp hành án phạt tù, người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án; giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người nước ngoài chết, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết.

- Một số quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 chưa đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan như: Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 (hiện nay Luật này đã bỏ quy định về hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước theo tuyến mà quy định theo các cấp khám chữa bệnh); Luật Tín ngưỡng tôn giáo năm 2016 (Luật đã quy định quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam).

Do đó, để giải quyết những vấn đề nêu trên cần nghiên cứu bổ sung một số quy định nhằm hoàn thiện quy định chế độ, chính sách của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

Ngoài ra, việc triển khai tổ chức mô hình bộ máy mới không tổ chức Công an cấp huyện từ 01/3/2025, chính quyền 02 cấp từ 01/7/2025 và sáp nhập các cơ quan ở Trung ương để tinh gọn bộ máy đã làm thay đổi hệ thống tổ chức của các cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và các cơ quan có liên quan trong thi hành tạm giữ, tạm giam. Do đó, cần phải sửa đổi các quy định về hệ thống tổ chức các cơ quan này phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới.

Với những lý do nêu trên thì việc nghiên cứu đề sửa đổi Luật Thi hành tạm

giữ, tạm giam năm 2015 là yêu cầu cấp thiết, khách quan và bảo đảm đáp ứng tốt hơn yêu cầu công tác thi hành tạm giữ, tạm giam trong thời gian tới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật

Mục đích xây dựng Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú nhằm tiếp tục nâng cao, bảo đảm hiệu quả công tác thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; tiếp tục cụ thể hóa quy định về quyền con người theo Hiến pháp năm 2013; thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng trong việc hoàn thiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Công an các cấp; áp dụng khoa học – kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quốc phòng, an ninh; đổi mới phương thức quản lý, giám sát đối với người bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đề cao hiệu quả phòng ngừa trong việc xử lý người phạm tội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của tổ chức, cá nhân.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

a) Thể chế hoá quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về hoàn thiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, cơ chế thi hành tạm giữ, tạm giam, bảo đảm đồng bộ với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

b) Tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

c) Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật quốc tế và thực tiễn công tác thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú của một số quốc gia trên thế giới bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

d) Quy định cụ thể, bảo đảm tính minh bạch, tính kế thừa, tính khả thi.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT

Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú điều chỉnh về hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, mô hình của cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú; chế độ quản lý giam giữ; chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bị kết án tử hình đang bị tạm giam; người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; thi hành quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú; khiếu nại tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú; trách nhiệm quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú.

IV. VỀ TÍNH THỐNG NHẤT VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Các nội dung của Luật bảo đảm tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan; tương thích với điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, cụ thể như: Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị; Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ; Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm; Công ước về quyền trẻ em; Công ước về quyền của người khuyết tật.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú năm 2025, gồm 12 chương (trong đó bổ sung 01 chương mới), với 74 điều, cụ thể như sau:

1. Chương I. Những quy định chung (gồm 07 điều: Từ Điều 1 đến Điều 7).

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; kiểm sát hoạt động quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và

cấm đi khỏi nơi cư trú; giám sát việc thực hiện chế độ tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; những hành vi bị nghiêm cấm.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này bỏ 01 điều về đối tượng áp dụng cho phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau:

a) Sửa đổi, bổ sung quy định về “Phạm vi điều chỉnh” tại Điều 1 theo hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam bổ sung quy định về thi hành biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; việc sửa đổi nội dung của Điều này để phù hợp với bố cục, nội dung được quy định trong Luật này.

b) Bổ sung giải thích từ ngữ về người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, khu vực giam giữ, theo đó: (1) Người bị cấm đi khỏi nơi cư trú là người đang bị hạn chế quyền đi lại ngoài phạm vi địa bàn xã, phường, đặc khu nơi người đó cư trú hoặc phạm vi địa bàn đơn vị quân đội quản lý trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nhằm bảo đảm sự có mặt của họ theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tố tụng, bao gồm bị can; bị cáo; người bị yêu cầu dẫn độ; người đang chờ chấp hành án phạt tù; (2) Khu vực giam giữ là phạm vi khu vực có các công trình giam giữ và công trình phụ trợ phục vụ giam giữ. Đồng thời, sửa đổi giải thích từ ngữ về người thân thích của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo hướng người thân thích của người bị tạm giữ, người bị tạm giam bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột, cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, dì ruột, cô ruột, cháu ruột, chất ruột của họ. Việc sửa đổi này tạo sự thống nhất trong cách hiểu trong Luật phù hợp với quy định về người thân thích trong Bộ luật Tố tụng hình sự và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

c) Bổ sung các quy định có liên quan đến thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Việc bổ sung này để hoàn thiện quy định về tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Chương II. hệ thống tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, mô hình của cơ quan quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 06 điều: Từ Điều 8 đến Điều 13).

Chương này quy định về hệ thống tổ chức cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; hệ thống tổ chức cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; nhiệm vụ, quyền hạn của nhà tạm giữ, trại tạm giam; mô hình của nhà tạm giữ, trại tạm giam; buồng tạm giữ.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau:

a) Sửa đổi về hệ thống tổ chức cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú theo hướng không tổ chức cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú ở cấp huyện, quy định mang tính nguyên tắc về hệ thống tổ chức các cơ quan này, theo đó:

- Hệ thống tổ chức cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong Công an nhân dân gồm Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Công an; Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Công an cấp tỉnh.

- Hệ thống tổ chức cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong Quân đội nhân dân gồm Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Quốc phòng; Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú quân khu và tương đương (sau đây gọi là cấp quân khu); Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển.

Giao Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể về tổ chức, bộ máy của cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc Bộ Công an, thuộc Bộ Quốc phòng; quyết định thành lập, giải thể cơ sở giam giữ, quy mô của cơ sở giam giữ; ban hành nội quy của cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân và trong Quân đội nhân dân. Việc sửa đổi này nhằm đảm bảo tính ổn định của Luật, tăng cường phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú.

b) Bổ sung Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển là cơ quan quản lý; bổ sung Buồng tạm giữ của Công an đặc khu, Buồng tạm giữ của Vùng Cảnh sát biển là cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo phù hợp chức năng, nhiệm vụ quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú của các cơ quan trong Công an nhân dân và Quân đội nhân dân. Đồng thời, để khắc phục những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành tạm giữ của Đoàn biên phòng, Luật quy định những Đoàn biên phòng không đóng ở vùng sâu, vùng xa nhưng lại ở nơi xa các cơ sở giam giữ được tổ chức Buồng tạm giữ.

c) Bổ sung Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú là cơ quan, đơn vị được giao một số nhiệm vụ thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, để đảm bảo việc tổ chức thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Chương III. Chế độ quản lý giam giữ (gồm 13 điều: Từ Điều 14 đến Điều 26).

Chương này quy định về tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam; hồ sơ quản lý tạm giữ, tạm giam; phân loại và quản lý giam giữ; quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; chế độ quản lý đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam; thực hiện trích xuất, điều chuyển, chuyển giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam; việc gặp người thân thích, người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; kỷ luật người bị tạm giữ, người bị tạm giam vi phạm nội quy của cơ sở giam giữ, chế độ quản lý giam giữ; quản lý đồ vật, tư trang, tiền, tài sản của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam bỏ trốn; giải quyết trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam, con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này bổ sung 01 điều về việc thực hiện điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam (trên cơ sở tách nội dung quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015) và sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau:

a) Bổ sung 01 điều quy định về điều chuyển, theo đó, việc điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam giữa các cơ sở giam giữ do Thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú quyết định sau khi thống nhất với Thủ trưởng cơ quan đang thụ lý vụ án và thông báo cho Viện kiểm sát có thẩm quyền biết. Việc điều chuyển được thực hiện trong thời hạn tạm giữ, tạm giam nhưng không quá 07 ngày kể từ khi có quyết định điều chuyển. Đồng thời, quy định cụ thể thẩm quyền điều chuyển trong các trường hợp: (1) Giữa các cơ sở giam giữ thuộc cùng một tỉnh, thành phố, quân khu và tương đương; (2) Giữa các cơ sở giam giữ không thuộc cùng một tỉnh, thành phố, quân khu và tương đương; (3) Giữa cơ sở giam giữ thuộc Công an cấp tỉnh, cấp quân khu với cơ sở giam giữ thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; (4) Giữa các trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; (5) Giữa cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân với cơ sở giam giữ trong Quân đội nhân dân; (6) Từ buồng tạm giữ của Đoàn Biên phòng, Biên phòng cửa khẩu cảng đến cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân; (7) Từ buồng tạm giữ của Vùng Cảnh sát biển đến cơ sở giam giữ trong Công an nhân dân; (8) Trường hợp cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quyết định điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 của Luật.

b) Trách nhiệm thực hiện các công việc khi tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam, riêng đối với một số nhiệm vụ như lập danh chỉ bản, khám sức khỏe sẽ quy định cụ thể thời hạn thực hiện đảm bảo phù hợp thực tiễn; bổ sung quy định việc kiểm tra thân thể người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong trường hợp chưa xác định được giới tính do cán bộ y tế thực hiện; bổ sung nội dung về thu thập sinh trắc học đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam gồm mống mắt, ADN, giọng nói đối với những trường hợp chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước.

c) Quy định trường hợp người đã có lệnh, quyết định tạm giữ, tạm giam bị thương tích, bệnh nặng cần phải điều trị, cứu chữa tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nếu đưa đến cơ sở giam giữ để bàn giao sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hoặc đe dọa đến tính mạng của họ thì cơ quan đang thụ lý vụ án phải áp giải

ngay người đó đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để điều trị, cứu chữa và phối hợp với cơ sở giam giữ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổ chức bàn giao, tiếp nhận và quản lý theo quy định.

d) Quy định về thu thập sinh trắc học đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam gồm móng mắt, ADN, giọng nói và cụ thể các tài liệu hồ sơ kèm theo khi bàn giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

đ) Thẩm quyền của Thủ trưởng cơ sở giam giữ phối hợp với cơ quan đang thụ lý vụ án quyết định bằng văn bản những người được giam giữ chung trong trường hợp đặc biệt, do điều kiện thực tế mà cơ sở giam giữ không thể đáp ứng được yêu cầu giam giữ riêng hoặc để bảo đảm yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử, bảo đảm an toàn cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân; riêng việc giam giữ chung người dưới 18 tuổi với người từ đủ 18 tuổi trở lên chỉ trong trường hợp để đảm bảo an toàn cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi.

e) Bổ sung quy định bố trí theo khu và phân loại đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, tái phạm nguy hiểm; phạm nhân phục vụ việc tạm giữ, tạm giam; phạm nhân được trích xuất để phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử. Đồng thời, bổ sung thẩm quyền của Thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định bố trí giam giữ trong trường hợp vì lý do bất khả kháng và phải bảo đảm không dễ thông cung, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

g) Quy định trường hợp trích xuất phục vụ công tác giam giữ và tham gia thực hiện giao dịch dân sự đối với những trường hợp người bị tạm giữ, người bị tạm giam không được uỷ quyền cho người khác; quy định về việc áp giải, quản lý và kinh phí bảo đảm thực hiện chế độ ăn, ở, sinh hoạt đối với người được trích xuất, trong đó đối với trường hợp thực hiện trích xuất người bị tạm giữ, người bị tạm giam phục vụ công tác xét xử thì không giao cho cơ quan, người có thẩm quyền ra lệnh trích xuất mà người này vẫn thuộc quản lý của cơ quan thực hiện nhiệm vụ áp giải; quy định việc trích xuất thực hiện hoạt động theo nội quy của cơ sở giam giữ bên trong khu vực cơ sở giam giữ thì không cần lệnh trích xuất và

phải đảm bảo không để thông cung, gây khó khăn cho hoạt động điều tra; quy định người bị tạm giữ, người bị tạm giam được trích xuất ra khỏi cơ sở giam giữ thì mặc trang phục theo mẫu thống nhất do cơ sở giam giữ cho mượn, trừ trường hợp trích xuất phục vụ xét xử tại phiên tòa;

h) Quy định bổ sung hai trường hợp cơ sở giam giữ có trách nhiệm chuyển giao người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong: (1) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan đã ra quyết định truy nã hoặc Cơ quan điều tra có thẩm quyền chuyển người bị bắt theo quyết định truy nã đến cơ sở giam giữ khác; (2) Khi có quyết định dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền.

i) Quy định việc giải quyết trường hợp con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết; người bị tạm giữ, người bị tạm giam chết là người nước ngoài.

Những sửa đổi, bổ sung này nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất, đồng bộ, khả thi cho tổ chức, hoạt động quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam và nâng cao hiệu quả công tác thi hành tạm giữ, tạm giam trong thực tiễn.

4. Các chương IV, V, VI: Chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam (Chương IV, gồm 05 điều: Từ Điều 27 đến Điều 31), chế độ đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Chương V, gồm 05 điều: Từ Điều 32 đến Điều 35) và chế độ đối với người bị kết án tử hình đang bị tạm giam (Chương VI, gồm 02 điều: Điều 36 và Điều 37).

- Về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam (Chương IV) quy định về các chế độ: Ăn, ở; mặc và tư trang; gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu; chăm sóc y tế; sinh hoạt tinh thần của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

- Về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Chương V) quy định về: Phạm vi áp dụng; chế độ ăn, ở và quản lý và gặp người thân thích, người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự, tiếp xúc với tổ chức nhân đạo của người bị tạm giữ, người bị tạm

giam là người dưới 18 tuổi; chế độ ăn, ở và quản lý đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam là phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

- Về chế độ của người bị kết án tử hình đang bị tạm giam (Chương VI) quy định về: Phạm vi áp dụng; chế độ ăn, ở và quản lý giam giữ đối với người bị kết án tử hình.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, các chương này sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính sau:

a) Quy định mang tính nguyên tắc về việc cơ sở giam giữ tổ chức căng tin và giao Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể về danh mục hàng hóa và giá bán trong căng tin;

b) Quy định về gửi, nhận thư, sách báo và tài liệu của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; theo đó:

- Người bị tạm giữ, người bị tạm giam được gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu khi được cơ quan đang thụ lý vụ án cho phép, trừ trường hợp người bị tạm giam đã bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, đang chờ thi hành án và đang không phải là bị can, bị cáo trong vụ án khác thì được gửi hoặc nhận thư, sách, báo và tài liệu.

- Thư, sách, báo và tài liệu phải để mở và chịu sự kiểm tra, kiểm duyệt của cơ sở giam giữ.

c) Quy định về chế độ sinh hoạt tinh thần của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, trong đó người bị tạm giữ, người bị tạm giam được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo;

d) Quy định về chế độ gửi, nhận thư, sách, báo và tài liệu của người chờ chấp hành án phạt tù, người bị kết án tử hình đang chờ thi hành án và quy định về ưu tiên ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý giam giữ đối với người bị kết án tử hình để bảo đảm an ninh, an toàn.

Những sửa đổi, bổ sung này nhằm hoàn thiện các quy định về chế độ, chính sách người bị tạm giữ, người bị tạm giam, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo chính sách nhân đạo, quyền con

người.

5. Chương VII. Thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 07 điều: Từ Điều 38 đến Điều 44).

Để khắc phục khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, Luật mở rộng phạm vi điều chỉnh và bổ sung 01 Chương về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, theo đó, Chương này quy định về: Gửi lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và phổ biến quyền, nghĩa vụ cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; quyền và nghĩa vụ của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú đối với người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; giải quyết trong trường hợp thay đổi nơi cư trú, làm việc, lao động hoặc học tập; xử lý trường hợp người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ, cụ thể như sau:

a) Gửi lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và phổ biến quyền, nghĩa vụ cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, cụ thể như sau:

- Để đảm bảo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú được thi hành, Luật quy định ngay sau khi ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, người ra lệnh phải gửi lệnh đó cho 03 cơ quan, đơn vị, cá nhân sau đây: (1) Cơ sở giam giữ trong trường hợp người bị cấm đi khỏi nơi cư trú đang bị tạm giữ, tạm giam; (2) Trưởng Công an cấp xã nơi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú đang cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; (3) Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Công an cấp tỉnh, cấp quân khu.

- Đồng thời, người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú có trách nhiệm phổ biến quyền và nghĩa vụ cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú khi giao lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho người đó.

b) Thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú

- Việc thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú được thực hiện theo trình tự như sau: (1) Trường hợp bị can, bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại cơ sở giam giữ, thì cơ sở giam giữ có trách nhiệm làm các thủ tục để đưa người đó ra khỏi cơ sở

giám giữ theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; (2) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, người bị cấm đi khỏi nơi cư trú phải trình diện Trưởng Công an cấp xã nơi họ cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp hết thời hạn 03 ngày mà người bị cấm đi khỏi nơi cư trú không trình diện, Trưởng Công an cấp xã, đơn vị quân đội triệu tập người đó đến trụ sở để làm giấy cam đoan về việc chấp hành nghĩa vụ.

- Trưởng Công an cấp xã nơi cư trú của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú lập hồ sơ quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú bao gồm: (1) Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; (2) Cam đoan của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Đối với người bị cấm đi khỏi nơi cư trú là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất ảnh hưởng trực tiếp tới việc làm giấy cam đoan thì giấy cam đoan của người đó phải có xác nhận của người đại diện; (3) Bản nhận xét của Trưởng Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi về việc chấp hành nghĩa vụ của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; (4) Biên bản về việc vi phạm nghĩa vụ của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú (nếu có); (5) Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Việc quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú được thực hiện bằng các biện pháp sau đây: (1) Quản lý cư trú; (2) Triệu tập; (3) Điểm danh, kiểm diện; (4) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Khi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú chết thì Trưởng Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú có trách nhiệm thông báo cho người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú biết để xử lý theo thẩm quyền.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú

Để phân định rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền của cơ quan, cá nhân, giảm cấp trung gian, về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, Luật theo hướng quy định Ủy

ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chung trong quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú và giao Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú thuộc thẩm quyền, cụ thể như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quản lý, theo dõi của đơn vị quân đội.

- Công an cấp xã có trách nhiệm trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: (1) Tiếp nhận, tổ chức quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; (2) Yêu cầu người bị cấm đi khỏi nơi cư trú thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; lập biên bản người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ; (3) Giải quyết cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; (4) Giải quyết cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú thay đổi nơi cư trú, làm việc, lao động hoặc học tập theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; (5) Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về việc người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ; (6) Xác minh, điểm danh, kiểm diện đối với người bị cấm đi khỏi nơi cư trú khi đi khỏi nơi cư trú mà không xin phép.

Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên.

- Đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: (1) Tiếp nhận, tổ chức quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; (2) Yêu cầu người bị cấm đi khỏi nơi cư trú thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; lập biên bản người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ; (3) Giải quyết cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; (4) Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về việc người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ; (5) Xác minh, điểm danh, kiểm diện đối với người bị cấm đi khỏi nơi cư trú khi đi khỏi nơi cư trú mà không xin phép; (6) Phối hợp với Trưởng Công an cấp xã giải quyết

cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú được thay đổi nơi cư trú theo quy định của Luật này và pháp luật về cư trú.

d) Quyền và nghĩa vụ của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú

- Để đảm bảo thực hiện quyền của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú thống nhất trong thực tiễn, Luật quy định người bị cấm đi khỏi nơi cư trú có 04 nhóm quyền sau đây: (1) Được đi khỏi nơi cư trú vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; trường hợp đi khỏi nơi cư trú vì lý do chính đáng khác thì phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép; (2) Được thay đổi nơi cư trú, làm việc, lao động hoặc học tập ra ngoài phạm vi nơi cư trú khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép; trường hợp thay đổi nơi cư trú, làm việc, lao động hoặc học tập trong phạm vi nơi cư trú thì phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền; (3) Được khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật; (4) Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Để quản lý người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, Luật quy định người bị cấm đi khỏi nơi cư trú có 07 nhóm nghĩa vụ sau đây: (1) Trình diện Trưởng Công an cấp xã nơi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú đang cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; (2) Chấp hành nghiêm chỉnh cam kết tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, nội quy, quy chế của nơi cư trú, nơi làm việc; (3) Chịu sự quản lý, theo dõi của Trưởng Công an cấp xã nơi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú đang cư trú, đơn vị quân đội đang quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú; (4) Không đi khỏi phạm vi địa bàn xã, phường, đặc khu hoặc phạm vi địa bàn do đơn vị quân đội quản lý theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của người có thẩm quyền, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc trường hợp đi khỏi nơi cư trú vì lý do chính đáng khác khi đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép; (5) Có mặt theo yêu cầu của Trưởng Công an cấp xã nơi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú đang cư trú hoặc người đứng đầu đơn vị quân đội đang quản lý, theo dõi; (6) Phải làm giấy cam đoan và thực hiện các nghĩa vụ đã cam đoan theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; (7) Không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về hình sự.

đ) Giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú đối với người bị cấm đi khỏi nơi cư trú

- Thực tế thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thời gian qua nhiều trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan (thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, cấp cứu...) mà người đang bị áp dụng biện pháp này phải đi khỏi nơi cư trú, nếu không sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của họ khi tình trạng bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hết thì họ mới thực hiện được việc xin phép. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, Luật đã quy định người bị cấm đi khỏi nơi cư trú có nhu cầu lao động, học tập hoặc vì lý do chính đáng khác thì có thể đi khỏi nơi cư trú khi có đơn xin phép và được sự đồng ý của người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Trường hợp đi khỏi nơi cư trú vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì không phải xin phép nhưng phải trình diện hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi hết lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

- Về trình tự, thủ tục giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú đối với người bị cấm đi khỏi nơi cư trú được thực hiện như sau: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nếu đồng ý thì có văn bản thông báo cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú và thông báo ngay cho Trưởng Công an cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi; trường hợp không đồng ý thì có văn bản thông báo cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú biết và nêu rõ lý do. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo chỉ định của bác sĩ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.

Khi nhận được thông báo đồng ý của người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú đối với người bị cấm đi khỏi nơi cư trú thì Trưởng Công an cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi giải quyết cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú được vắng mặt tại nơi cư trú và thông báo cho Trưởng Công an cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú biết, phối hợp quản lý, theo dõi.

- Người bị cấm đi khỏi nơi cư trú khi đi khỏi nơi cư trú phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Người bị cấm đi khỏi nơi cư trú khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Trưởng Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ, Trưởng Công an cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo ngay cho Trưởng Công an cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi đã giải quyết cho vắng mặt tại nơi cư trú kèm theo tài liệu có liên quan.

e) Giải quyết trong trường hợp thay đổi nơi cư trú, làm việc, lao động hoặc học tập

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, giải quyết các nhu cầu chính đáng của họ trong cuộc sống, Luật đã quy định giải quyết trong trường hợp thay đổi nơi cư trú, làm việc, lao động hoặc học tập, cụ thể như sau:

- Trường hợp người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vì lý do chính đáng mà phải thay đổi nơi cư trú ra ngoài phạm vi địa bàn xã, phường, đặc khu nơi người đó cư trú thì phải có đơn xin phép gửi người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, nếu đồng ý thì người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ban hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú mới và gửi đến Trưởng Công an cấp xã nơi cư trú mới để quản lý, theo dõi, đồng thời thông báo cho Trưởng Công an cấp xã nơi cư trú cũ; nếu không đồng ý thì có văn bản thông báo cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú và nêu rõ lý do. Trình tự, thủ tục thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú mới được thực hiện theo quy định tại Chương thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Luật.

- Trường hợp người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vì lý do chính đáng mà phải thay đổi nơi làm việc, lao động hoặc học tập ngoài địa bàn xã, phường, đặc khu nơi người đó cư trú thì phải có đơn xin phép gửi người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Kể từ khi nhận được đơn của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú, trong thời hạn 03 ngày làm việc, nếu đồng ý thì người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú có văn bản

đồng ý việc thay đổi nơi làm việc, lao động hoặc học tập và thông báo ngay cho Trưởng Công an cấp xã; nếu không đồng ý thì có văn bản thông báo cho người bị cấm đi khỏi nơi cư trú và nêu rõ lý do.

- Trường hợp người bị cấm đi khỏi nơi cư trú thay đổi nơi cư trú trong phạm vi địa bàn xã, phường, đặc khu hoặc phạm vi địa bàn đơn vị quân đội quản lý thì phải báo cáo người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và Trưởng Công an cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi.

g) Xử lý trường hợp người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ

Thực tế thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú thời gian qua nhiều trường hợp vi phạm nhưng không thuộc nghĩa vụ mà họ đã cam đoan theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó, để đảm bảo hiệu quả thi hành biện pháp này trên thực tiễn, Luật đã bổ sung quy định xử lý trường hợp người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ, cụ thể trong ba trường hợp sau:

- Trường hợp thứ nhất: Người thực hiện hành vi phạm tội đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú mà tiếp tục thực hiện hành vi này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì Trưởng Công an cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và đề nghị người có thẩm quyền thay đổi biện pháp ngăn chặn.

- Trường hợp thứ hai: Người bị cấm đi khỏi nơi cư trú thực hiện một trong các hành vi thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trừ trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú mà tiếp tục thực hiện hành vi này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, thì xử lý như sau: (1) Vi phạm lần đầu thì Trưởng Công an cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú lập biên bản vi phạm nghĩa vụ, tổ chức kiểm điểm và thông báo cho người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; (2) Sau khi vi phạm lần đầu, nếu người bị cấm đi khỏi nơi cư trú tiếp tục vi phạm các nghĩa vụ của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định của Luật thì Trưởng Công an cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi

khỏi nơi cư trú lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và đề nghị người có thẩm quyền thay đổi biện pháp ngăn chặn.

- Trường hợp thứ ba: Người bị cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ không thuộc trường hợp thứ nhất và trường hợp thứ hai nêu trên thì xử lý như sau: (1) Vi phạm lần đầu thì Trưởng Công an cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và tổ chức nhắc nhở họ; (2) Vi phạm lần thứ hai thì Trưởng Công an cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú lập biên bản vi phạm nghĩa vụ, tổ chức kiểm điểm, nhắc nhở và thông báo cho người ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; (3) Vi phạm lần thứ ba thì Trưởng Công an cấp xã hoặc đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị cấm đi khỏi nơi cư trú lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và đề nghị người có thẩm quyền thay đổi biện pháp ngăn chặn.

6. Chương VIII. Bảo đảm điều kiện quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 04 điều: Từ Điều 45 đến Điều 48).

Chương này quy định về: Bảo đảm biên chế, nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; sử dụng vũ khí, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ; cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này cơ bản giữ nguyên các nội dung của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 chỉ bổ sung nội dung về cấm đi khỏi nơi cư trú vào Điều luật.

7. Các chương IX, X: Chương IX. Kiểm sát, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 2 điều: Điều 49 Điều 50); Chương X. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 18 điều: Từ Điều 51 đến Điều 68).

- Về kiểm sát, quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương IX) quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi

kiểm sát quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú và trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (Chương X), Chương này có 02 mục gồm: (1) Mục 1 quy định khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, trong đó quy định về một số nội dung như: Khiếu nại trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú; những trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết; thẩm quyền giải quyết khiếu nại; quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, của người bị khiếu nại; nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân; thời hạn giải quyết khiếu nại và gửi quyết định giải quyết khiếu nại; hồ sơ giải quyết khiếu nại; trình tự, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; thủ tục, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần hai; (2) Mục 2 quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, trong đó quy định về một số nội dung như: Tố cáo trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; quyền và nghĩa vụ của người tố cáo, của người bị tố cáo; hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết tố cáo; trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này cơ bản giữ nguyên các nội dung của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 chỉ bổ sung nội dung về cấm đi khỏi nơi cư trú vào Điều luật.

8. Chương XI. Trách nhiệm trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú (gồm 04 điều: Từ Điều 69 đến Điều 72)

Chương này quy định về nội dung quản lý nhà nước, trách nhiệm quản lý nhà nước, trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

So với Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Chương này bỏ 07 điều và bổ sung 02 Điều quy định về nội dung quản lý nhà nước và trách nhiệm quản

lý nhà nước trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú và sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể như sau:

a) Bổ sung quy định về nội dung quản lý nhà nước về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, theo đó quản lý nhà nước về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, gồm:

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; tổ chức thực hiện pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

- Chỉ đạo nghiệp vụ, hướng dẫn việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

- Đình chỉ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ quy định về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trái với quy định của Luật này;

- Quyết định phân bổ kinh phí, bảo đảm điều kiện cho hoạt động quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

- Xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú;

- Thống kê về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; báo cáo Quốc hội về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Quản lý hệ thống tổ chức, biên chế, nhân lực; đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, nghiên cứu khoa học về quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

b) Bổ sung 01 Điều quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, theo đó, Luật phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú như sau:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú trong phạm vi cả nước.

- Bộ Công an là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm giao đất, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và quản lý cơ sở giam giữ tại địa phương mình và chỉ đạo các cơ quan nhà nước ở địa phương phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn cho cơ sở giam giữ.

c) Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú, theo đó, bổ sung trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trong quản lý, thi hành cấm đi khỏi nơi cư trú và trách nhiệm số hóa về công tác thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

9. Chương XII. Điều khoản thi hành (gồm 02 điều: Điều 73 và Điều 74). Chương này quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 123 của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15 và quy định hiệu lực thi hành của Luật.
